

Số: 83/2025/NQ-HĐND

Lâm Đồng, ngày 30 tháng 12 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Quy định nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và sử dụng kinh phí hỗ trợ các hoạt động liên quan đến đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 43/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 112/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa;

Xét Tờ trình số 8572/TTr-UBND ngày 04 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc Dự thảo Nghị quyết quy định nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và sử dụng kinh phí hỗ trợ các hoạt động liên quan đến đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và sử dụng kinh phí hỗ trợ các hoạt động liên quan đến đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và việc sử dụng kinh phí hỗ trợ cho các hoạt động quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP.

2. Đối tượng áp dụng

Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu; người sử dụng đất trồng lúa, các cơ quan chuyên môn có liên quan đến quản lý, sử dụng kinh phí hỗ trợ đất trồng lúa và các đối tượng khác có liên quan.

Điều 2. Nguyên tắc hỗ trợ

1. Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ 100% nguồn kinh phí hỗ trợ đất trồng lúa cho Ủy ban nhân dân cấp xã để thực hiện các hoạt động liên quan đến đất trồng lúa.

2. Kinh phí hỗ trợ sản xuất lúa được quản lý, phân bổ, bố trí sử dụng để thực hiện bảo vệ đất trồng lúa tại địa phương và chỉ hỗ trợ đối với các dự án, công trình, hoạt động phục vụ trực tiếp vùng sản xuất lúa.

3. Trường hợp một nội dung có nhiều chính sách hỗ trợ (bao gồm chính sách Trung ương và của tỉnh) thì đối tượng thụ hưởng chỉ được hưởng một chính sách cao nhất.

4. Kinh phí hỗ trợ không vượt quá phạm vi dự toán kinh phí được giao hàng năm.

Điều 3. Phạm vi hỗ trợ

Hỗ trợ đối với đất chuyên trồng lúa, đất trồng lúa còn lại (trừ đất lúa nương được mở rộng tự phát không theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trồng lúa), đất chuyên trồng lúa tại vùng quy hoạch trồng lúa có năng suất, chất lượng cao được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 4. Định mức hỗ trợ và việc sử dụng kinh phí hỗ trợ

1. Định mức hỗ trợ

Hỗ trợ kinh phí cho ngân sách cấp xã theo định mức quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP.

2. Sử dụng kinh phí hỗ trợ

a) Sử dụng không thấp hơn 40% nguồn kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ theo quy định tại khoản 1 Điều này để hỗ trợ cho người sử dụng đất trồng lúa: sử dụng giống lúa hợp pháp để sản xuất; áp dụng quy trình sản xuất, tiến bộ kỹ thuật, công nghệ được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận; xây dựng mô hình trình diễn; hoạt động khuyến nông; tổ chức đào tạo, tập huấn, liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm.

Nội dung, định mức hỗ trợ thực hiện theo quy định tại Nghị định số 83/2018/NĐ-CP của Chính phủ về khuyến nông và Nghị định số 98/2018/NĐ-CP của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

b) Phần kinh phí còn lại sử dụng thực hiện công tác quản lý; tăng hiệu quả sử dụng, bảo vệ đất trồng lúa; sản xuất lúa gồm:

Cải tạo, nâng cao chất lượng đất trồng lúa; đánh giá tính chất lý, hóa học; xây dựng bản đồ nông hóa thổ nhưỡng vùng đất chuyên trồng lúa theo định kỳ 05 năm/lần. Nội dung thực hiện theo Thông tư số 11/2024/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật điều tra, đánh giá đất đai; kỹ thuật bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất.

Sửa chữa, duy tu bảo dưỡng các công trình hạ tầng nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn xã. Nội dung thực hiện theo quy định tại Thông tư số 65/2021/TT-BTC của Bộ Tài chính quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công.



Hỗ trợ kinh phí mua bản quyền sở hữu giống lúa được bảo hộ theo kế hoạch, dự toán được Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt đảm bảo quy định tại Nghị định 79/2023/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về quyền đối với giống cây trồng. Mỗi tổ chức, cá nhân chỉ được hỗ trợ kinh phí mua bản quyền sở hữu 01 giống lúa.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ nhu cầu, điều kiện thực tế địa phương và nguồn kinh phí được phân bổ quyết định các nội dung thực hiện hàng năm đảm bảo quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 09 tháng 01 năm 2026.

2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết theo quy định của pháp luật.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng khóa X, Kỳ họp thứ 8 (kỳ họp chuyên đề) thông qua ngày 30 tháng 12 năm 2025.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng: Quốc hội, Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục KTVB và QLXLVPHC - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh Lâm Đồng;
- UBND tỉnh;
- BTT UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh Khóa X;
- Các Sở, ban, ngành, tổ chức CT-XH cấp tỉnh;
- HĐND, UBND các xã, phường, đặc khu;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Lâm Đồng;
- Trung tâm thông tin - Văn phòng UBND tỉnh;
- Trung tâm LTLS tỉnh;
- Trang Thông tin điện tử cơ quan (đăng tải);
- Lưu: VT, Hồ sơ kỳ họp.



CHỦ TỊCH

Lưu Văn Trung